

Số: 445 /QĐ-CT-XP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế**

**CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ**

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

Căn cứ nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí và hóa đơn;

Căn cứ Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 7 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế ;

Căn cứ Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính về thuế;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-BTC ngày 14/01/2010 của Bộ Tài chính về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế trực thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ Biên bản kiểm tra thuế ký ngày 17 tháng 01 năm 2017 tại Công ty Cổ Phần Hải Minh của Đoàn kiểm tra thuộc Phòng kiểm tra thuế số 4 - Cục thuế TP.Hồ Chí Minh theo Quyết định số: 24/QĐ-CT-KT ngày 04/01/2017 về việc kiểm tra thuế tại Công ty Cổ Phần Hải Minh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kiểm tra thuế số 4,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty Cổ Phần Hải Minh. Mã số thuế: 0302525162, địa chỉ: Tầng 17 - Tòa nhà Pearl Plaza, 561 A Điện Biên Phủ, quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh. Thời kỳ kiểm tra: 2011, 2012, 2013, 2014.

Với hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng như sau:

1. Truy thu thuế với tổng số tiền là: 723.596.208 đồng (bằng chữ: Bảy trăm hai mươi ba triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm lẻ tám đồng), trong đó:

- Thuế GTGT truy thu (Tiểu mục 1701): 352.911.451 đồng;

- Thuế TNDN truy thu (Tiểu mục 1052): 370.684.757 đồng;

2. Biện pháp khắc phục hậu quả khác: không

3. Phạt vi phạm hành chính về thuế với tổng số tiền là: 275.431.317 đồng (bằng chữ: Hai trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi một ngàn ba trăm mười bảy đồng), trong đó:

- Phạt kê khai sai dẫn đến thiếu thuế (Tiểu mục 4254): 39.295.960 đồng.

- Phạt nộp chậm trên số tiền thuế khai sai dẫn đến thiếu thuế TNDN (Tiểu mục 4911): 236.135.357 đồng.

\* Số tiền chậm nộp được tính đến ngày 24/01/2017. Công ty Cổ Phần Hải Minh có trách nhiệm tự tính và nộp bổ sung số tiền chậm nộp từ ngày 25/01/2017 đến thời điểm thực nộp vào NSNN theo quy định.

Lý do: Công ty Cổ Phần Hải Minh đã có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế: Kê khai sai dẫn đến thiếu thuế GTGT, TNDN trong hồ sơ khai thuế niên độ năm 2011, 2012, 2013, 2014. Công ty đã vi phạm Điều 7 Luật Quản lý thuế; Điều 12 Luật thuế Giá trị gia tăng; Điều 9 Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định này, Công ty Cổ Phần Hải Minh phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định này và có trách nhiệm nộp số tiền thuế, tiền chậm nộp và tiền phạt theo quy định tại Điều 1 như sau:

Số tiền thuế truy thu và phạt: 999.027.525 đồng vào tài khoản số 7111.1056137 của Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh mở tại Kho bạc Nhà nước TP. Hồ Chí Minh, địa chỉ: 37 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Quá thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định này, mà Công ty Cổ Phần Hải Minh không chấp hành quyết định xử phạt thì sẽ bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

**Điều 3.** Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày ký, Quyết định này được:

1. Giao cho Công ty Cổ Phần Hải Minh để chấp hành Quyết định xử phạt.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước Tp.HCM để thu tiền thuế và tiền phạt.

3. Gửi cho Phòng Kiểm tra 4, Kê khai và kế toán thuế, Giám đốc Trung tâm tích hợp và lưu trữ thông tin người nộp thuế... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Kho bạc TP. HCM;
- Phòng PC, Phòng Kê khai - Kế toán;
- Lưu VT, P.KT4.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Êc Thị Thu Hương**

**BIÊN BẢN CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA**

Căn cứ Điều 78 Luật Quản lý thuế ngày 29/11/2006;  
Căn cứ Quyết định số: 24/QĐ-CT-KT ngày 04 tháng 01 năm 2017 của  
Cục trưởng Cục thuế về việc kiểm tra thuế tại Công ty Cổ Phần Hải Minh, MST:  
0302525162

Hôm nay, hồi 9... giờ... ngày 04 tháng 01 năm 2017  
Tại Công ty Cổ Phần Hải Minh.  
Chúng tôi gồm:

**I. Đoàn kiểm tra thuế:**

- Bà Vũ Thị Thập - Chức vụ : - Trưởng đoàn;
- Ông Dương Minh Cần - Chức vụ : - Thành viên;

**II. Người giám sát:**

- Ông Dương Chí Thiện - Chức vụ : - Phó Trưởng Phòng;
- Số điện thoại: 37702288-8132

**III. Đại diện công ty:**

Ông (bà) : **NGUYỄN THẾ HÙNG**  
CMND số: .....

Chức vụ: Giám đốc đại diện cho Công ty Cổ Phần Hải Minh.

Người nộp thuế (hoặc đại diện hợp pháp người nộp thuế) đã được nghe  
Đoàn Kiểm tra công bố toàn văn Quyết định số: 24/QĐ-CT-KT ngày 04 tháng  
01 năm 2017 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về việc kiểm tra thuế tại Công ty  
Cổ Phần Hải Minh.

Người nộp thuế (hoặc đại diện hợp pháp người nộp thuế) đã được nghe  
Đoàn kiểm tra công bố các quyền và nghĩa vụ theo điều 79 Luật quản lý thuế số  
78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và giao tài liệu “ Những điều cần biết khi được  
kiểm tra thuế”. Người nộp thuế đã được nghe và hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của  
người nộp thuế khi được cơ quan thuế kiểm tra, thanh tra thuế.

Số điện thoại của Ban Lãnh đạo Cục Thuế là:

- Bà Lê Thị Thu Hương: 37702288-6868 – Phó Cục Trưởng
- Bà Trương Thị Tuyết : 37702288-8136 – Trưởng phòng Kiểm tra thuế số 4

Biên bản này gồm có 1 trang, được lập thành 2 bản có nội dung và giá trị pháp  
lý như nhau. 01 bản được giao người nộp thuế.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản,  
không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào biên bản./

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI**

**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA**



**ĐỒNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Thế Hùng*

*[Handwritten signature]*

**Vũ Thị Thập**

*[Handwritten signature]*

**Dương Minh Cần**

**BIÊN BẢN KIỂM TRA THUẾ**

Tại: Văn Phòng Công ty Cổ Phần Hải Minh

- Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-CT-KT ngày 04/01/2017 của Cục Thuế TP. HCM về việc kiểm tra chấp hành pháp luật về thuế tại Công ty Cổ Phần Hải Minh, mã số thuế: 0302525162, địa chỉ: Tầng 17 - Tòa nhà Pearl Plaza, 561 A Điện Biên Phủ, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thuế tại văn phòng Công ty Cổ Phần Hải Minh.

Thời kỳ kiểm tra: 2011, 2012, 2013, 2014

Hôm nay, ngày 17/01/2017 tại văn phòng Công ty Cổ Phần Hải Minh, chúng tôi gồm:

**1. Đoàn kiểm tra:**

- Bà Vũ Thị Thập
- Ông Dương Minh Cần

- Trưởng đoàn
- Thành viên

**2. Người nộp thuế:**

- Ông: Nguyễn Thế Hưng
- Ông: Nguyễn Thành Văn

- Giám đốc.
- Kế toán trưởng.

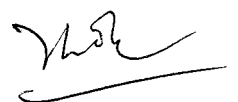
Lập biên bản xác nhận kết quả kiểm tra như sau:

**I/ ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ:**

- Quyết định thành lập/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41030000801 ngày 24/01/2002 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: dịch vụ vận chuyển hàng hóa.
- Hình thức hạch toán kế toán: Chứng từ ghi sổ
- Niên độ kế toán: 2011, 2012, 2013, 2014
- Đăng ký kê khai nộp thuế tại Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh
- Hình thức kê khai nộp thuế Giá trị gia tăng: khấu trừ
- Mục lục Ngân sách: Cấp 2 Chương 554 Khoản
- Tài khoản số: mở tại Ngân hàng
- Các đơn vị thành viên (nếu có):

**II/ NỘI DUNG KIỂM TRA TẠI TRỤ SỞ CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ:**

Năm 2011:



Chỉ tiêu	Số kê khai	Số kiểm tra	Chênh lệch
Thuế GTGT của HH, DV bán ra	1.916.233.469	1.916.233.469	0
Thuế GTGT của HH, DV mua vào	1.418.582.335	1.418.582.335	0
Thuế GTGT của HH, DV mua vào được khấu trừ	1.418.582.335	1.065.670.884	-352.911.451
Thuế GTGT phải nộp Ngân sách Nhà Nước	497.651.134	850.562.585	352.911.451
Doanh thu hoạt động tài chính	26.761.464.758	26.761.464.758	0
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	28.652.433.113	28.593.105.920	-59.327.193
Giá vốn hàng bán	23.822.213.166	23.784.470.155	-37.743.011
Chi phí hoạt động	4.634.086.913	4.612.502.731	-21.584.182
Chi phí tài chính	196.133.034	196.133.034	0
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	153.198.190	153.198.190	0
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	21.783.735.028	21.783.735.028	0
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.018.265.607	11.077.592.800	59.327.193
Thu nhập khác	1.298.725.052	1.298.725.052	0
Chi phí khác	206.834.603	205.334.603	-1.500.000
Lợi nhuận khác	1.091.890.449	1.093.390.449	1.500.000
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	12.110.156.056	12.170.983.249	60.827.193
Thuế TNDN tính theo thuế suất phổ thông	3.027.539.014	3.042.745.812	15.206.798
Thuế TNDN được miễn giảm	908.261.704	590.898.561	-317.363.143
Tổng Thuế TNDN phải nộp	2.119.277.310	2.451.847.251	332.569.942

Giải trình số liệu chênh lệch qua kiểm tra: Ghi rõ nguyên nhân điều chỉnh tăng giảm từng khoản mục đã kiểm tra nêu trên hoặc giải thích lại cách tính toán xác định số liệu phải điều chỉnh có liên quan (nếu có).

### 1. Thuế GTGT:

- Thuế GTGT còn phải nộp cuối kỳ tăng: 352.911.451 đồng do:
  - Giảm thuế GTGT được khấu trừ: 352.911.451 đồng là Thuế GTGT giảm của các kỳ trước (tháng 9/2011) không hợp lệ.

### 2. Thuế TNDN:

- Tổng chi phí giảm : 59.327.193 đồng, bao gồm:
  - Giảm chi phí hoạt động: 21.584.182 đồng là chi phí không được trừ.
  - Giảm giá vốn: 37.743.011 đồng là chi phí chi hộ không hợp lệ.
- Thuế TNDN được miễn giảm giảm: 321.925.183 đồng là do ưu đãi thuế TNDN không áp dụng đối với khoản thu nhập khác.
- Thuế TNDN giảm: 590.898.561 đồng do áp dụng Thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Nghị định 101/2011/NĐ-CP ngày 04/11/2011 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc Hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân. Doanh nghiệp thuộc diện vừa và nhỏ được giảm 30% thuế TNDN năm 2011 do DN đáp ứng điều kiện có số lao động dưới 100 người cụ thể như sau:
  - Số thuế TNDN năm 2011 phải nộp: 3.042.745.812 đồng
  - Thuế TNDN được giảm:
$$(3.042.745.812 \times 30\%) - 321.925.183 = 590.898.561 \text{ đồng}$$
- Tổng thu nhập chịu thuế TNDN tăng : 60.827.193 đồng.



- Thuế TNDN phải nộp tăng tương ứng: 332.569.942 đồng

### 3. Thuế khác: Không

Năm 2012:

Chỉ tiêu	Số kê khai	Số kiểm tra	Chênh lệch
Thuế GTGT của HH, DV bán ra	2.356.067.482	2.356.067.482	0
Thuế GTGT của HH, DV mua vào	2.235.610.180	2.235.610.180	0
Thuế GTGT của HH, DV mua vào được khấu trừ	2.235.610.180	2.235.610.180	0
Thuế GTGT phải nộp Ngân sách Nhà Nước	120.457.302	120.457.302	0
Doanh thu hoạt động tài chính	27.776.436.176	27.776.436.176	0
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	29.814.087.091	29.723.572.983	-90.514.108
Giá vốn hàng bán	24.989.784.319	24.962.299.036	-27.485.283
Chi phí hoạt động	4.810.159.374	4.747.130.549	-63.028.825
Chi phí tài chính	14.143.398	14.143.398	0
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	235.391.129	235.391.129	0
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	25.495.520.517	25.495.520.517	0
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.958.900.939	10.049.415.047	90.514.108
Thu nhập khác	869.885.470	869.885.470	0
Chi phí khác	530.353.849	530.353.849	0
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	10.298.432.560	10.388.946.668	90.514.108
Thuế TNDN tính theo thuế suất phổ thông	2.574.608.140	2.597.236.667	22.628.527
Thuế TNDN được miễn giảm	616.573.754	623.362.312	6.788.558
Tổng Thuế TNDN phải nộp	1.958.034.386	1.973.874.355	15.839.969

Giải trình số liệu chênh lệch qua kiểm tra: Ghi rõ nguyên nhân điều chỉnh tăng giảm từng khoản mục đã kiểm tra nêu trên hoặc giải thích lại cách tính toán xác định số liệu phải điều chỉnh có liên quan (nếu có).

#### 1. Thuế GTGT: không

#### 2. Thuế TNDN:

- Tổng chi phí giảm : 90.514.108 đồng bao gồm:
  - Giảm chi phí hoạt động: 63.028.825 đồng là chi phí không được trừ.
  - Giảm giá vốn: 27.485.283 đồng là chi phí không được trừ.
- Thuế TNDN giảm: 623.362.312 đồng do áp dụng Thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Nghị định 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc Hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân. Doanh nghiệp thuộc diện vừa và nhỏ được giảm 30% thuế TNDN năm 2012 cụ thể như sau:
  - Số thuế TNDN năm 2012 phải nộp: 2.597.236.667 đồng
  - Thuế TNDN được giảm : 2.597.236.667 đ x 30% = 623.362.312 đ
- Tổng thu nhập chịu thuế TNDN tăng : 90.514.108 đồng
- Thuế TNDN phải nộp tăng tương ứng : 15.839.969 đồng.

#### 3. Thuế khác: Không

*Handwritten signature*

Năm 2013:

Chỉ tiêu	Số kê khai	Số kiểm tra	Chênh lệch
Thuế GTGT của HH, DV bán ra	2.461.625.176	2.461.625.176	0
Thuế GTGT của HH, DV mua vào	1.757.584.157	1.757.584.157	0
Thuế GTGT của HH, DV mua vào được khấu trừ	1.757.584.157	1.757.584.157	0
Thuế GTGT phải nộp Ngân sách Nhà Nước	704.041.019	704.041.019	0
Doanh thu hoạt động tài chính	29.067.522.434	29.067.522.434	0
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	31.324.528.518	31.299.683.715	-24.844.803
Giá vốn hàng bán	26.785.618.889	26.785.618.889	0
Chi phí hoạt động	4.435.380.409	4.410.535.606	-24.844.803
Chi phí tài chính	103.529.220	103.529.220	0
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	321.229.957	321.229.957	0
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	27.776.188.530	27.776.188.530	0
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.862.912.372	7.887.757.175	24.844.803
Thu nhập khác	1.106.130.910	1.106.130.910	0
Chi phí khác	472.684.181	472.684.181	0
Lợi nhuận khác	633.446.729	633.446.729	0
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	8.496.359.101	8.521.203.904	24.844.803
Thuế TNDN tính theo thuế suất phổ thông	2.124.089.775	2.130.300.976	6.211.201
Tổng Thuế TNDN phải nộp	2.124.089.775	2.130.300.976	6.211.201

Giải trình số liệu chênh lệch qua kiểm tra: Ghi rõ nguyên nhân điều chỉnh tăng giảm từng khoản mục đã kiểm tra nêu trên hoặc giải thích lại cách tính toán xác định số liệu phải điều chỉnh có liên quan (nếu có).

1. **Thuế GTGT:** không

2. **Thuế TNDN:**

- Tổng chi phí giảm : 24.844.803 đồng bao gồm:
  - Giảm chi phí hoạt động: 24.844.803 đồng là chi phí không được trừ .
- Tổng thu nhập chịu thuế TNDN tăng : 24.844.803 đồng
- Thuế TNDN phải nộp tăng tương ứng: 6.211.201 đồng .

3. **Thuế khác:** Không.

Năm 2014:

Chỉ tiêu	Số kê khai	Số kiểm tra	Chênh lệch
Thuế GTGT của HH, DV bán ra	3.847.063.583	3.847.063.583	0
Thuế GTGT của HH, DV mua vào	3.964.144.252	3.964.144.252	0
Thuế GTGT của HH, DV mua vào được khấu trừ	3.964.144.252	3.964.144.252	0
Thuế GTGT phải nộp Ngân sách Nhà Nước	-117.080.669	-117.080.669	0
Doanh thu hoạt động tài chính	53.940.548.053	53.940.548.053	0
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	33.413.132.026	33.340.115.453	-73.016.573
Giá vốn hàng bán	28.667.640.999	28.667.640.999	0
Chi phí hoạt động	4.544.120.219	4.471.103.646	-73.016.573
Chi phí tài chính	201.370.808	201.370.808	0
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	764.277.677	764.277.677	0
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	51.515.850.438	51.515.850.438	0
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.802.556.821	7.875.573.394	73.016.573
Thu nhập khác	20.705.218.868	20.705.218.868	0
Chi phí khác	9.103.616.867	9.103.616.867	0
Lợi nhuận khác	11.601.602.001	11.601.602.001	0
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	19.404.158.822	19.477.175.395	73.016.573
Thuế TNDN tính theo thuế suất phổ thông	4.268.914.941	4.284.978.587	16.063.646
Tổng Thuế TNDN phải nộp	4.268.914.941	4.284.978.587	16.063.646

Giải trình số liệu chênh lệch qua kiểm tra: Ghi rõ nguyên nhân điều chỉnh tăng giảm từng khoản mục đã kiểm tra nêu trên hoặc giải thích lại cách tính toán xác định số liệu phải điều chỉnh có liên quan (nếu có).

1. **Thuế GTGT:** không

2. **Thuế TNDN:**

- Tổng chi phí giảm : 73.016.573 đồng bao gồm:
  - Giảm chi phí hoạt động: 73.016.573 đồng là chi phí không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Tổng thu nhập chịu thuế TNDN tăng : 73.016.573 đồng
- Thuế TNDN phải nộp tăng tương ứng: 16.063.646 đồng .

3. **Thuế khác:** Không.

#### IV/ KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

##### 1. Kết luận:

- Về việc mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán và hoá đơn chứng từ:

- Công ty có phản ánh các nghiệp vụ phát sinh đã kê khai, có báo cáo và lưu giữ chứng từ theo quy định .

- Về việc kê khai thuế, nộp thuế:

- Việc doanh nghiệp kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào của các hoá đơn chứng từ không hợp lệ làm giảm số thuế GTGT phải nộp và tăng số thuế được khấu trừ trong kỳ, doanh nghiệp đã vi phạm Điều 7 Luật Quản lý thuế, Điều 12 Luật Thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008.

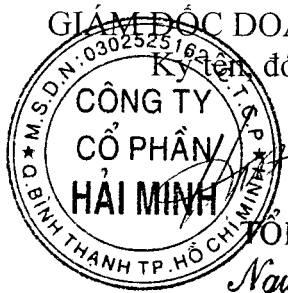
- Các khoản chi không hợp lý hoặc chứng từ không hợp lệ mà vẫn kê khai vào chi phí được trừ trong kỳ quyết toán làm giảm thu nhập chịu thuế TNDN, doanh





Biên bản được thông qua vào hồi 16 h30 giờ cùng ngày.

Biên bản gồm có 7 trang, được lập thành 3 bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau; 1 bản giao cho doanh nghiệp, 2 bản lưu tại cơ quan Thuế ./.



GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP  
Ký tên, đóng dấu

TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Chế Hưng*

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
Ký, ghi rõ họ tên

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
*Nguyễn Thành Văn*

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA  
TRƯỞNG ĐOÀN  
Ký, ghi rõ họ tên

*Nguyễn Thị Phụng*

THÀNH VIÊN  
Ký, ghi rõ họ tên

*Dương Minh Căn*

